TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 369/2024/DS-ST
Ngày 10 - 12 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Trường

Ông Hồ Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 651/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 429/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Võ Hoàng P, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Số 77E, đường RR, k3, p8, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Diệp Tuyết T, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Số 77E, đường RR, k3, p8, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Hữu T1; địa chỉ cư trú: Ấp TP, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Mạch Kim V; địa chỉ cư trú: Ấp TP, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Võ Hoàng P và bà Diệp Tuyết T thống nhất trình bày: Ngày 26/11/2021, vợ chồng ông, bà có cho ông T1 và bà V vay số tiền 500.000.000đ, thời hạn 05 tháng, lãi suất 4%/tháng. Đến ngày 25/4/2022, ông T1, bà V trả được số tiền vốn 150.000.000đ và toàn bộ số tiền lãi. Ngày 19/4/2022, ông T1 và bà

Vnhờ ông, bà vay dùm số tiền 200.000.000đ. Từ khi ông T1, bà V vay thêm số tiền 200.000.000đ thì ông T1, bà V không trả tiền vốn, lãi. Ngày 19/7/2023, ông T1, bà V nhờ ông,bà vay 50.000.000đ và ngày 27/8/2023 ông T1, bà V nhờ vay tiến số tiền 30.000.000đ để đóng tiền lãi. Nay ông, bà yêu cầu ông T1 và bà V trả số tiền vốn 630.000.000đ, lãi Nhà nước của số tiền 350.000.000đ từ ngày 26/3/2023 đến ngày xét xử là 20 tháng; lãi Nhà nước của số tiền 200.000.000đ từ ngày 19/4/2023 đến ngày xét xử là 19 tháng; lãi Nhà nước của số tiền 50.000.000đ từ ngày 19/7/2023 đến ngày xét xử là 16 tháng; lãi Nhà nước của số tiền 30.000.000đ từ ngày 27/8/2023 đến ngày xét xử là 15 tháng.

Đối với ông Nguyễn Hữu T1, bà Mạch Kim V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông, bà không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của ông P, bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Võ Hoàng P, bà Diệp Tuyết T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu T1, bà Mạch Kim V trả tiền là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tung: Ông P, bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông T1, bà V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện ông T1 và bà V có vay của ông P và bà Ty nhiều lần với số tiền 630.000.000đ. Quát trình vay tiền, ông T1 và bà V có trả tiền vốn, lãi đến tháng 25/3/2024 thì ngưng không trả tiếp. Xét thấy: Việc các đương sự giao dịch vay tiền với nhau bằng hình thức giao, nhận trực tiếp, có lập thành biên nhận. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết ông T1, bà V không có yêu cầu phản tố, cũng như ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông P, bà T. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông P, bà T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy: Lãi suất thỏa thuận giữa hai bên là cao hơn lãi suất Nhà nước quy định, do đó Hội đồng xét xử cần điều chỉnh lãi suất lại cho phù hợp.

Lãi suất được chỉnh như sau:

Số tiền 350.000.000đ: (350.000.000đ x 20%/năm) x 20 tháng = 116.666.000đ.

Số tiền 200.000.000đ: (200.000.000đ x 20%/năm) x 19 tháng = 63.333.000đ.

Số tiền 50.000.000đ: (50.000.000đ x 20%/năm) x 16 tháng = 13.333.000đ.

Số tiền 30.000.000đ (30.000.000đ x 20%/năm) x 15 tháng = 7.500.000đ.

Như vậy, tổng số tiền vốn, lãi mà ông T1 và bà V phải có nghĩa vụ trả cho ông P và bà T là: 630.000.000đ + 116.666.000đ + 63.333.000đ + 13.333.000đ + 7.500.000đ = 830.832.000đ

[5] Xét về án phí dân sự: Ông T1 và bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hoàng P và bà Diệp Tuyết T.

1. Buộc ông Nguyễn Hữu T1 và bà Mạch Kim V phải có nghĩa vụ trả cho ông Võ Hoàng P và bà Diệp Tuyết T số tiền 830.832.000.000 đồng (tám trăm ba mươi triệu tám trăm ba mươi hai ngàn đồng).

2. Kể từ ngày ông Võ Hoàng P và bà Diệp Tuyết T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Hữu T1 và bà Mạch Kim V chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng ông T1, bà V còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự:

3.1 Bà Diệp Tuyết T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Ty 10.545.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001923 ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3.2. Ông Nguyễn Hữu T1 và bà Mạch Kim V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 36.924.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có

mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh